

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thành Tân và xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thành Tân và xã Thành Trục, huyện Thạch Thành của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất mỏ đất san lấp và tận thu đất giàu sắt làm phụ gia xi măng tại xã Thành Tân và xã Thành Trục, huyện Thạch Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1425/TTr-STNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Cho phép Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An được khai thác đất san lấp và tận thu khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thành Tân và xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 106.656 m², gồm 5 khu vực:

+ Khu vực 1 có diện tích 15.000 m² thuộc xã Thành Tân được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3 và 4;

+ Khu vực 2 có diện tích 10.000 m² thuộc xã Thành Tân được giới hạn bởi các điểm góc 5, 6, 7, 8 và 9;

+ Khu vực 3 có diện tích 29.870 m² thuộc xã Thành Tân và xã Thành Trục được giới hạn bởi các điểm góc 10, 11, 12 và 13;

+ Khu vực 4 có diện tích 30.000 m² thuộc xã Thành Tân và xã Thành Trục được giới hạn bởi các điểm góc 14, 15, 16, 17, 18 và 19;

+ Khu vực 5 có diện tích 21.786 m² thuộc xã Thành Trục được giới hạn bởi các điểm góc 20, 21, 22 và 23;

(chi tiết các khu vực theo Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo);

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu san lấp và tận thu đất giàu sắt làm phụ gia xi măng;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 484.123 m³; trong đó, đất san lấp là 261.143 m³, đất giàu sắt làm phụ gia xi măng là 222.980 m³ (tương đương 394.947 tấn);

+ Trữ lượng được khai thác: 451.856 m³; trong đó, đất san lấp là 243.738 m³, đất giàu sắt làm phụ gia xi măng là 208.118 m³ (tương đương 386.623 tấn);

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 31.000 m³/năm;

- Mức sâu khai thác:

+ Khu vực 1: Thấp nhất +14,9 m, cao nhất +59,7 m;

+ Khu vực 2: Thấp nhất +11,9 m, cao nhất +28,2 m;

+ Khu vực 3: Thấp nhất +45,0 m, cao nhất +76,5 m;

+ Khu vực 4: Thấp nhất +41,6 m, cao nhất +82,4 m;

+ Khu vực 5: Thấp nhất +43,7 m, cao nhất +67,8 m;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Thời hạn khai thác: 15 năm kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mở là 05 tháng;

- Lệ phí cấp Giấy phép: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

b) Chuyển mục đích sử dụng 106.656 m² đất rừng sản xuất của các hộ gia đình, cá nhân tại xã Thành Tân và xã Thành Trục, huyện Thạch Thành sang đất khai thác khoáng sản và cho Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An thuê để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản;

- Tình trạng khu đất: Khu đất đã được Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An bồi thường GPMB, được UBND huyện Thạch Thành xác nhận tại Báo cáo số 307/BC-UBND ngày 05/12/2016;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo các trích lục Bản đồ số 588/TLBĐ, 589/TLBĐ, 590/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 11/10/2016;

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;

- Thời hạn thuê đất: 15 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An có trách nhiệm:

1. Nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cấm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đã được phê duyệt, xác nhận. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

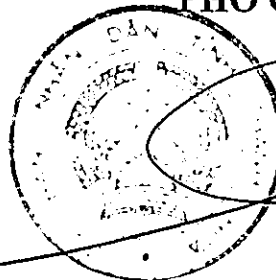
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác mỏ đất san lấp và tận thu đất giàu sắt làm phụ gia xi măng theo Giấy phép này, Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty TNHH ĐTTM Phúc An;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (06b);
- UBND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Tân;
- UBND xã Thành Trục;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/KT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 201

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TẠI XÃ THÀNH TÂN
VÀ XÃ THÀNH TRỰC, HUYỆN THẠCH THÀNH**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 06 /GP-UBND
ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực mỏ	Điểm góc	TỌA ĐỘ VN - 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích (m ²)	Địa điểm
		X(m)	Y(m)		
Khu vực mỏ số 1	1	2231 159.06	570 840.00	15.000	Xã Thành Tân
	2	2231 267.00	570 840.00		
	3	2231 277.16	570 720.05		
	4	2231 154.04	570 700.70		
Khu vực mỏ số 2	5	2231 279.00	570 573.00	10.000	Xã Thành Tân
	6	2231 295.00	570 558.23		
	7	2231 300.99	570 449.03		
	8	2231 199.00	570 447.00		
	9	2231 200.00	570 519.24		
Khu vực mỏ số 3	10	2230 830.83	570 560.26	29.870	Xã Thành Tân và xã Thành Trục
	11	2230 813.47	570 337.27		
	12	2230 679.00	570 347.04		
	13	2230 746.06	570 637.80		
Khu vực mỏ số 4	14	2230 676.00	570 526.00	30.000	Xã Thành Tân và xã Thành Trục
	15	2230 479.00	570 468.06		
	16	2230 469.58	570 302.83		
	17	2230 516.95	570 294.51		
	18	2230 525.16	570 353.01		
	19	2230 661.99	570 356.72		
Khu vực mỏ số 5	20	2232 488.83	567 835.52	21.787	Xã Thành Trục
	21	2232 513.81	567 894.85		
	22	2232 267.00	568 036.00		
	23	2232 314.00	567 879.00		
Tổng diện tích khu vực mỏ S = 106.656 m ²					